

## **PHỤ LỤC 3**

(kèm theo Văn bản số: 1499/SXD-QLXD ngày 25/9/2020 của Sở Xây dựng)

### **I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Đơn giá nhân công (bao gồm nhân công xây dựng và nhân công tư vấn xây dựng); giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công bố kèm theo văn bản này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

#### **2. Đối tượng áp dụng.**

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng các quy định theo Văn bản này.

### **II. ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG VÀ GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG**

#### **1. Đối với đơn giá nhân công xây dựng**

##### **1.1. Phương pháp xác định đơn giá nhân công.**

- Đơn giá nhân công được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 của Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng.

- Danh mục nhóm nhân công xây dựng được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02, danh mục nhóm nhân công tư vấn xây dựng được xác định theo Phụ lục số 03 của Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng.

- Hệ số cấp bậc đơn giá nhân công xây dựng được lấy theo hướng dẫn tại Phụ lục số 06 của Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng.

##### **1.2. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh**

- Đơn giá nhân công xây dựng (bao gồm nhân công xây dựng và nhân công tư vấn xây dựng) được khảo sát xác định và công bố theo Phụ lục 01 kèm theo Công bố này.

- Đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Kon Tum chia làm 2 vùng theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ.

+ Vùng III: Thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà.

+ Vùng IV: Các huyện còn lại

## 2. Đối với bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

### 2.1. Phương pháp xác định, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Trên cơ sở nguyên tắc, phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD của Bộ Xây dựng đã tính toán, xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại phụ lục 3 kèm theo Công bố này.

### 2.2. Nội dung giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (sau đây gọi là giá ca máy) là mức chi phí bình quân cho một ca làm việc theo quy định của máy và thiết bị thi công xây dựng.

Giá ca máy gồm toàn bộ hoặc một số khoản mục chi phí như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nhiên liệu, năng lượng; chi phí nhân công điều khiển; chi phí khác của máy và được xác định theo công thức sau:

$$C_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{NC} + C_{CPK}$$

Trong đó:

- +  $C_{CM}$ : Giá ca máy (đồng/ca)
- +  $C_{KH}$ : Chi phí khấu hao (đồng/ca)
- +  $C_{SC}$ : Chi phí sửa chữa (đồng/ca)
- +  $C_{NL}$ : Chi phí nhiên liệu, năng lượng (đồng/ca)
- +  $C_{NC}$ : Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy (đồng/ca)
- +  $C_{CPK}$ : Chi phí khác (đồng/ca)

- Chi phí khấu hao: Là khoản chi phí về hao mòn của máy và thiết bị thi công trong thời gian sử dụng. Định mức khấu hao năm tính theo tỷ lệ % áp dụng theo Phụ lục 02 của Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng.

- Chi phí sửa chữa: Là các khoản chi phí nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn của máy. Định mức chi phí sửa chữa tính theo tỷ lệ % áp dụng theo Phụ lục 02 của Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng.

- Chi phí nhiên liệu, năng lượng: Là khoản chi phí về nhiên liệu, năng lượng tạo ra động lực cho máy hoạt động (xăng, dầu, điện hoặc khí nén) và các loại nhiên liệu phụ như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, dầu truyền động.... Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng cho một ca máy làm việc áp dụng theo Phụ lục 02 của Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng.

Trong đó giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) sử dụng để tính chi phí nhiên liệu, năng lượng: Tính bình quân từ ngày 15/2/2020 đến ngày 30/6/2020; Giá điện theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương quy định về giá điện.

+ Giá điện (bình quân): 1.864,44 đ/kwh.

+ Xăng RON 95: 13.479 đ/lít

+ Dầu diesel (0,05S): 10.973 đ/lít

Hệ số chi phí nhiên liệu phụ được tính toán xác định theo hướng dẫn Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

+ Máy và thiết bị chạy động cơ xăng: 1,02

+ Máy và thiết bị chạy động cơ diesel: 1,03

+ Máy và thiết bị chạy động cơ điện: 1,05

Chi phí nhiên liệu, năng lượng được phép điều chỉnh theo mức giá thị trường khi có biến động và do đơn vị có thẩm quyền công bố theo từng thời điểm.

Công thức tính chênh lệch nhiên liệu, năng lượng:

$$C_{LNL} = 1,02 \times dm_1 \times (X_2 - X_1) + 1,03 \times dm_2 \times (D_2 - D_1) + 1,05 \times dm_3 \times (N_2 - N_1)$$

Trong đó:

+  $C_{LNL}$ : Chênh lệch nhiên liệu, năng lượng (đồng/ca).

+  $dm_1$ : Định mức tiêu hao xăng của máy.

+  $dm_2$ : Định mức tiêu hao diesel của máy.

+  $dm_3$ : Định mức tiêu hao điện của máy.

+  $X_1, D_1, N_1$ : Giá xăng, diesel, điện đã tính tại thời điểm gốc đã nêu ở nội dung trên.

+  $X_2, D_2, N_2$ : Giá xăng, diesel, điện (chưa bao gồm thuế VAT) tại thời điểm điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền công bố.

- Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy: Là khoản chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp lương tương ứng với cấp bậc của người điều khiển máy theo yêu cầu kỹ thuật, được xác định trên cơ sở thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy được quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng và đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

+ Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy Vùng III: Thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà.

+ Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy Vùng IV: Các huyện còn lại.

- Chi phí khác: Chi phí khác của máy tính trong giá ca máy là các khoản chi phí đảm bảo cho máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình. Định mức chi phí khác tính theo tỷ lệ % quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng và Phụ lục III của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng.

- Đối với những máy, thiết bị thi công chưa có quy định trong bảng giá này hoặc những máy, thiết bị thi công nhập khẩu thì Chủ đầu tư căn cứ vào phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng làm cơ sở để lập và gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh công bố.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây để nghiên cứu hướng dẫn; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.